

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – GIA LAI,
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2026/DS-ST
Ngày 14-8-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa Bà Trần Thị Minh Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Kim Tuyết
- Ông Trần Anh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Thoại - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 194/2026/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 406/2026/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1972; địa chỉ: D N, phường B, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Lưu Thị Thùy T1, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ dân phố T (T), phường A, tỉnh Gia Lai là người đại diện theo uỷ quyền (theo Hợp đồng uỷ quyền ngày 24/4/2026); vắng mặt – có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Quang T2, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn P (A), xã T, tỉnh Gia Lai; vắng mặt – có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 4 năm 2026, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T trình bày:

Ông T và ông T2 là chỗ quen biết nên ông T có cho ông T2 mượn tiền để mua bán mai, cụ thể: Tháng 11 năm 2023 ông T2 vay 90.000.000 đồng, ngày 25 tháng 01 năm 2024 vay tiếp 10.000.000 đồng, ông T2 có viết giấy nhận tiền và hẹn đến ngày 26 âm (ngày 07/02/2024) sẽ trả tiền gốc và tiền lãi nhưng ông T2 không trả đúng như cam kết, ông T đòi nợ thì đến ngày 05 tháng 4 năm 2025 ông T2 viết giấy cam kết trả nợ hàng tháng cho ông T vào ngày 16 âm lịch với số tiền 5.000.000 đồng, tiền lãi được cộng dồn theo lãi suất ngân hàng 10.000.000 đồng, thời gian trả nợ bắt đầu từ ngày 16 tháng 3 âm lịch năm 2025. Sau khi viết giấy hẹn ông T2 tiếp tục không trả nợ nên ông T khởi kiện yêu cầu ông T2 trả số tiền 100.000.000 đồng đã vay và trả lãi từ ngày 07/02/2024 theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Trần Quang T2 vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 23 tháng 7 năm 2026, ông T2 trình bày: Ông và ông T có quen nhau do cùng làm ăn mua bán cây cảnh, năm 2023 ông có nợ ông T số tiền 100.000.000 đồng. Số tiền này là ông nợ riêng không liên quan vợ ông, giấy nợ ông tự viết tự ký tên, do mua bán cây cảnh không được nên ông hứa ông T trả từ từ ông T có đồng ý. Nay ông T yêu cầu ông trả số tiền 100.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 07/02/2024 thì ông đồng ý trả nợ gốc và xin không trả lãi chậm trả, ông xin trả dần cuối năm 2026 trả 30.000.000 đồng đến năm 2027 trả số tiền còn lại.

Vì lý do bận công việc nên ông xin vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ hoà giải, các buổi làm việc và phiên toà xét xử vụ án trên.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai đề nghị như sau: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần Quang T2 trả toàn bộ số nợ vay và tiền lãi cho ông Nguyễn Xuân T. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trần Quang T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Xuân T khởi kiện yêu cầu ông Trần Quang T2 trả số tiền 100.000.000 đồng theo Giấy nhận tiền ngày 25 tháng 01 năm 2024, Giấy có nội dung cam kết trả nợ ngày 05 tháng 4 năm 2025 là quan hệ tranh chấp dân sự mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trần Quang T2 cư trú tại thôn P

(trước sáp nhập là thôn A), xã T, tỉnh Gia Lai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2-Gia Lai, tỉnh Gia Lai theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T và bị đơn ông Trần Quang T2 vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu trả nợ của ông Nguyễn Xuân T, Hội đồng xét xử nhận định: Tại Giấy nhận tiền ngày 25 tháng 01 năm 2024 thể hiện ông Trần Quang T2 nhận số tiền 100.000.000 đồng, có hẹn thời hạn trả là ngày 26 âm (ngày dương lịch là ngày 07 tháng 02 năm 2024 trả gốc và lãi nhưng không ghi rõ lãi suất và tại Giấy có nội dung cam kết trả nợ ngày 05 tháng 4 năm 2025 có ghi: “...Tôi cam kết trả nợ cho anh T hàng tháng vào ngày 16 âm lịch với số tiền 5 triệu. Số tiền lãi được cộng dồn theo lãi suất ngân hàng 10.000 mười triệu đồng chẵn. Thời gian trả nợ bắt đầu từ ngày 16 tháng 3 âm lịch 2025 (ất tỵ)”. Tại bản tự khai ngày 23 tháng 7 năm 2026, ông T2 cũng xác nhận còn nợ ông Nguyễn Xuân T số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng, đúng như số nợ tại đơn khởi kiện mà ông T yêu cầu. Như vậy, việc ông T2 vay tiền của ông T là có thật, phù hợp với Giấy nhận tiền ngày 25 tháng 01 năm 2024 và Giấy có nội dung cam kết trả nợ ngày 05 tháng 4 năm 2025 mà nguyên đơn cung cấp. Quá trình thực hiện hợp đồng phía ông T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như cam kết, vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T2 phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng như nguyên đơn yêu cầu.

[4] Nguyên đơn ông T yêu cầu trả lãi từ ngày 07/02/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật, bị đơn ông T2 xin không trả lãi nhưng không được nguyên đơn chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo Giấy nhận tiền ngày 25 tháng 01 năm 2024 các bên không thỏa thuận mức lãi vay nhưng có thỏa thuận thời hạn vay đến ngày 07 tháng 02 năm 2024 nên theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 thì mức lãi suất được xác định theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là 10%/năm và tiền lãi được tính từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 08/02/2024 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 14/8/2026 là 919 ngày theo số nợ gốc 100.000.000 đồng, thành tiền 25.178.082 đồng ($100.000.000 \text{ đồng} \times 10\% \times 919/365$).

[5] Như vậy theo nhận định tại các mục [3], [4] thì ông Trần Quang T2 phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Xuân T tổng cộng 125.178.082 đồng, làm tròn thành 125.178.000 đồng trong đó: 100.000.000 đồng tiền gốc và 25.178.000 đồng tiền lãi.

[6] Ông T2 đồng ý trả nợ nhưng xin trả dần vào cuối năm 2026 trả 30.000.000 đồng, đến năm 2027 trả số tiền còn lại. Yêu cầu của ông T2 không được nguyên

đơn chấp nhận và không phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX không chấp nhận yêu cầu này của bị đơn.

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Trần Quang T2 phải chịu 6.258.904 đồng (125.178.000 đồng x 5%), làm tròn thành 6.259.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Xuân T được chấp nhận nên ông T không phải chịu án phí.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH ngày 25 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ các Điều 117, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Trần Quang T2 phải trả nợ cho ông Nguyễn Xuân T số tiền 125.178.000 (Một trăm hai mươi lăm triệu, một trăm bảy mươi tám nghìn) đồng, trong đó 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng tiền gốc và 25.178.000 (Hai mươi lăm triệu, một trăm bảy mươi tám nghìn) đồng tiền lãi.

Kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Ông Trần Quang T2 phải chịu 6.259.000 (sáu triệu hai trăm năm mươi chín nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho ông Nguyễn Xuân T 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004019 ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 2 – Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 2 – Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Minh Hậu